1. ***Bảng 1 - Đặc tả use case đăng nhập***

| **Use case ID** | 1 |
| --- | --- |
| **Use case name** | Đăng nhập |
| **Description** | Là người dùng, tôi muốn đăng nhập vào hệ thống |
| **Actors** | Quản lý, kế toán |
| **Priority** | High |
| **Triggers** | Người dùng chọn chức năng đăng nhập |
| **Pre-conditions** | Người dùng đã có tài khoản |
| **Post-conditions** | Người dùng đăng nhập thành công |
| **Main flow** | 1. Hệ thống hiển thị màn hình đăng nhập 2. Người dùng nhập tên đăng nhập và mật khẩu 3. Hệ thống kiểm tra thông tin đăng nhập 4. Đăng nhập thành công, hệ thống hiển thị màn hình chính |
| **Alternative flows** | 2a. Người dùng chọn chức năng quên mật khẩu:  2a1. Hệ thống hiển thị màn hình để người dùng nhập email  2a2. Người dùng nhập email  2a3. Hệ thống kiểm tra email.  2a4. Người dùng nhấn chọn lấy lại mật khẩu. Hệ thống gửi liên kết để reset mật khẩu cho người dùng qua email  2a5. Hệ thống hiển thị màn hình thông báo “Đổi mật khẩu thành công” |
| **Exception flows** | 2a3a. Nếu email không hợp lệ hiển thị thông báo “Yêu cầu nhập lại”  4a. Nhập mật khẩu hoặc tên đăng nhập không hợp lệ: Hệ thống thông báo “Tên đăng nhập hoặc mật khẩu không hợp lệ” và quay lại b3 |
| **Business rules** | N/A |
| **Non-functional requirements** | N/A |

***2. Bảng 2 - Đặc tả use case tạo tài khoản***

| Use case ID | 7.2 |
| --- | --- |
| Use case name | Tạo tài khoản |
| Description | Là quản lý, tôi muốn tạo tài khoản cho nhân viên để đăng nhập vào hệ thống |
| Actors | Quản lí |
| Priority | High |
| Triggers | Người dùng chọn chức năng tạo tài khoản |
| Pre-conditions  (Tiền điều kiện) | N/A |
| Post-conditions  (Hậu điều kiện) | Người dùng tạo được tài khoản trên hệ thống |
| Main flow | 1. Hiển thị màn hình đăng ký 2. Nhập thông tin (Tên, sđt, gmail,chức vụ) 3. Nhập tên đăng nhập và mật khẩu |
| Alternative flows | 3.a. Hiển thị thông báo “ Đăng ký thành công” và kết thúc. |
| Exception flows | 3.b. Nếu tên đăng nhập đã tồn tại, thì hiển thị thông báo “Tên đăng nhập đã tồn tại” và quay lại b3. |
| Business rules | N/A |
| Non-functional requirements | N/A |

***3. Bảng 3 - Đặc tả use case tạo thông tin sản phẩm***

| Use case ID | 4.3 |
| --- | --- |
| Use case name | Tạo thông tin sản phẩm |
| Description | Là quản lý, kế toán tôi muốn tạo thông tin sản phẩm |
| Actors | Quản lý, kế toán |
| Priority | High |
| Triggers | Người dùng chọn chức năng tạo sản phẩm |
| Pre-conditions  (Tiền điều kiện) | Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản |
| Post-conditions  (Hậu điều kiện) | Người dùng tạo được thông tin sản phẩm |
| Main flow | 1. Hiển thị các thông tin cần nhập 2. Nhập các thông tin 3. Lưu thông tin |
| Alternative flows | 3.a. Nhấn lưu thông tin  3.a.1.Hiển thị màn hình thông báo “Tạo sản phẩm mới thành công” và kết thúc. |
| Exception flows | 3.b. Nếu tên sản phẩm đã tồn tại, thì hiển thị thông báo “Yêu cầu nhập lại” và quay lại b2. |
| Business rules | N/A |
| Non-functional requirements | N/A |